

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/QĐ-CP ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 24/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 31/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 69/TTr-TCKH ngày 07/6/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 tại Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tăng vốn ngân sách huyện đối ứng Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 674 triệu đồng/03 công trình.

- Điều chỉnh giảm vốn ngân sách huyện đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 674 triệu đồng/06 công trình.

- Các nội dung tại Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện vẫn giữ nguyên không thay đổi.

(Đính kèm phụ biểu)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu chi tiết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển được giao tại Điều 1 Quyết định này, các Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Lâm Sơn, Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn, Hòa Sơn, Ma Nởi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH, NTD

CHỦ TỊCH



Kiều Tấn Thịnh

BẢNG TỔNG HỢP
PHẦN BỘ ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHUỖNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định 1570/QĐ-UBND ngày 9 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Biểu số 04

TT	Nội dung	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm khảo sát dự án (chỉ địa điểm, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (ngành, kinh tế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến cuối năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Biên chế chính tăng	Biên chế chính giảm	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh		Chi phí	
								Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó: Thun hồi vốn đã ứng trước	Thun hồi vốn đã ứng trước			Trong đó: Thun hồi vốn đã ứng trước	Trong đó: Thun hồi vốn đã ứng trước		
1	Yến chương trình mục tiêu quốc gia								10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
A									141.350	141.350	102.521	28.564	56.573	-	-	1.419	1.419	56.573			
I	Chương trình xây dựng nông thôn mới mã CT 0492								103.973	103.973	65.144	18.740	40.698	-	-	745	1.419	40.024			
	Chương trình chuyển đổi								103.973	103.973	65.144	18.740	40.698	-	-	745	1.419	40.024			
1	Xây mới cầu vượt cầu nông thôn Trà Giang 2 (qua Kênh Trà)	UBND Lương Sơn	Lương Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7991740		2022-2024	2432:141/C2022	3.000	3.000	3.000	1.415	840			745	1.585	1.585			
2	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Sơn	UBND Quảng Sơn	Quảng Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7993021		2022-2024	3082:30/1/2022	21.863	21.863	13.929	4.004	9.985				60	9.925			
3	Đường giao thông nông thôn xã Nhon Sơn	UBND Nhon Sơn	Nhon Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7998811		2022-2024	2330:11/13/2022	14.997	14.997	8.920	1.944	7.226				250	6.976			
4	Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Sơn	UBND Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7991981		2022-2024	2332:11/13/2022	14.500	14.500	8.831	2.420	5.480				400	5.080			
5	Đường giao thông nông thôn xã Lâm Sơn	UBND Lâm Sơn	Lâm Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7993020		2022-2024	3093:30/11/2022	16.850	16.850	10.235	2.299	6.573				353	6.220			
6	Đường giao thông nông thôn xã Lương Sơn	UBND Lương Sơn	Lương Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7994136		2022-2024	2339:11/13/2022	10.250	10.250	6.349	2.835	3.922				156	3.766			
7	Đường giao thông nông thôn xã Hòa Sơn	UBND Hòa Sơn	Hòa Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7991743		2022-2024	2730:10/11/2022	22.513	22.513	13.880	3.823	6.672				200	6.472			
II	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								37.377	37.377	37.377	9.824	15.875			674	-	16.549			
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sạch hàng mã CT 0511								13.179	13.179	13.179	3.310	4.290			-	-	4.290			
	Chương trình chuyển đổi								13.179	13.179	13.179	3.310	4.290			-	-	4.290			
1	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo các xã trên địa bàn huyện Ninh Sơn	Văn phòng HĐND và UBND	Ninh Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7988611		2022-2024	2348:04/03/2022	13.179	13.179	13.179	3310	4.290					4.290			



TT	Nội dung	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (theo Ksaoan)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh		Chi chi
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Kế hoạch vốn đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025	Vốn đã bố trí đến cuối năm 2022	Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XD/CB	Biên bản chấp thuận	Biên bản chấp thuận	
	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết của CT 0512								3.220	3.220	500	824	-	-	-	-	824	
	<i>Công trình chuyên cấp</i>								3.220	3.220	500	824	-	-	-	-	824	
1	Dự án quy hoạch khu dân cư thôn Mỹ Hiệp, Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7997022	332	2022-2024	2488.547/02022	3.220	3.220	500	824	-	-	-	-	824	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của Tỉnh ủy dân tộc								17.620	17.620	5.480	9.512	-	-	549	-	10.061	
	<i>TD 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mã CT 0314</i>								17.620	17.620	5.480	9.512	-	-	549	-	10.061	
	<i>Công trình chuyên cấp</i>								10.240	10.240	5.480	4.386	-	-	374	-	4.760	
	Kỹ thuật mới số tuyến điện hạ thế phục vụ sản xuất - xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	8001779	302	2022-2024	3290.3712/2022	1.800	1.800	1.200	600	-	-	-	-	600	
	Bê tông hóa kênh mương Gia Hòa 1, xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7995145	283	2022-2024	3034.3071/2022	1.840	1.840	1.300	540	-	-	-	-	540	
	Hệ thống thoát nước trung tâm xã từ trường mẫu giáo Hòa Đạo đến nhà ông Ja Không Nhíp - xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7995143	311	2022-2024	3032.2901/2022	1.800	1.800	1.200	600	-	-	-	-	600	
	Nâng cấp cầu nhà Văn hóa thôn Lương Giang, xã Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7992191	161	2022-2023	2786.671/2022	400	400	200	200	-	-	-	-	200	
	Nâng cấp Nhà sinh hoạt công đồng tại các thôn Hà Giã, Giã rồ, Tân Bình, Mỹ Hiệp, Lương Giang	BOU dự án PTXD	Mỹ Sơn, Hòa Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	7991982	341	2022-2023	2811.1871/2022	4.400	4.400	1.580	2.446	-	-	374	-	2.820	
	<i>Kỹ thuật mới</i>								7.380	7.380	-	5.126	-	-	175	-	5.301	
	Dự án giao thông xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	Kho bạc Ninh Sơn	292	2023-2024			483	483	34	399	-	-	-	-	399	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mã CT 0515								483	483	34	399	-	-	-	-	399	

Phân bổ sau khi tính có quyết định chi tiết

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mua vật tư (chỉ xét đến địa phương)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (ngành, kinh, tiểu ngành)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (gồm chính nội cơ)		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	Kế hoạch vốn đầu tư trung kỳ đầu cuối năm 2021-2025	Vốn đã bỏ trị đầu cuối năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023		Phần chính đang	Phần chính giảm	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 sau đầu chính		Chi chi		
								Tổng nước đầu tư	Tổng số						Tổng số	Tổng số			Trong đó:	Trong đó:			
1	<p>TD41: Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng vùng bảo tồn lịch sử</p> <p>Chặng triển khai tiếp</p>	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Ma Nối	Kho học Ninh Sơn	7986103	073	2022-2023	24/5/14/17/2022	483	483	483	483	84	399	0	0	0	0	399				
1	<p>Nâng cấp, đầu tư xây dựng nhà văn hóa, nhà hòa tại các thôn (TR Nối, Ủ Nối), xã Ma Nối</p> <p>Chặng triển khai tiếp</p>	UBND xã Ma Nối	Ma Nối	Kho học Ninh Sơn	7991741	161	2022-2023	27/8/16/17/2022	2.875	2.875	2.875	2.875	450	850	0	0	125	0	975				



